

Bản án số: 117/2025/HS-PT

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn và bà Phan Thị Minh Tâm

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Huyền.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Mai Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025 đối với vụ án Huỳnh Văn T và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Trương Thành N và Nguyễn Thị Ngọc H1 với Bản án số 22/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – tỉnh An Giang)

Các bị cáo kháng cáo:

1. Huỳnh Văn T, sinh ngày 12/5/1974; tại thị xã T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; con ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1954 (đã chết); vợ: Nguyễn Bích P, sinh năm 1980; con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Năm 2023 bị Công an xã K, huyện C xử phạt 1.500.000đ về hành vi “đánh bạc”, đã chấp hành xong việc nộp phạt ngày 12/4/2023; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/6/2024 đến nay; (có mặt).

2. Phạm Văn H, sinh ngày 22/11/1984; tại thị xã T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm V, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Kim N1, sinh năm 1986 (đã ly hôn); con: Có 01 người con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/6/2024 đến nay; (có mặt).

3. Huỳnh Thị N3, sinh ngày 19/8/1984; tại thị xã T, tỉnh An Giang; nơi thường trú: Khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay:

Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; con ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1954 (đã chết); chồng: Ngô Thanh L1, sinh năm 1975 (đã ly hôn); con: Có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/6/2024 đến nay; (có mặt).

4. Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1974; tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956 (đã chết); chồng: Phạm Văn A, sinh năm 1963 (đã ly hôn); con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1994; con nhỏ sinh năm 1999; tiền sự: Không; tiền án: Năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xử phạt 20.000.000đ về tội “Đánh bạc” chưa chấp hành xong hình phạt; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/12/2024 đến nay; (có mặt).

5. Trương Thành N, sinh ngày 29/9/1977; tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; con ông Trương Văn T2, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1952; vợ: Nguyễn Thị Huỳnh L2, sinh năm 1977; con: Có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/01/2025 đến nay; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1: Ông Lương Tường H2 - Luật sư của Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

(Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 16/02/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khu dân cư thuộc ấp B, xã B, huyện C có nhiều đối tượng tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi bài 06 lá lựa ăn thua bằng tiền. Quá trình đánh bạc, những người tham gia đánh bạc phát hiện một số đối tượng chơi bài gian lận, nên đe dọa không chế lấy tài sản, buộc phải trả lại tiền gian lận và không cho những người tham gia đánh bạc ra về, nên lực lượng Công an xã B đến địa điểm trên mời các đối tượng có liên quan gồm: Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị N3, Phạm Văn H, Đoàn Thị N2, Đặng Quốc D, Trần Thị Bé E và Đinh Đức A1 về trụ sở làm việc.

Qua điều tra xác định: Khoảng 20 giờ ngày 16/02/2024, Trần Thanh C mượn nhà của Phạm Thị L3 thuộc ấp B, xã B, để tổ chức cho Trần Thị Bé E,

Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị N3, Phạm Văn H, Đoàn Thị N2, Nguyễn Thị Ngọc H1, Trương Thành N, T3 (không rõ họ, địa chỉ) và nhiều người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) chơi đánh bạc dưới hình thức chơi bài 06 lá lựa (bài binh) ăn thua bằng tiền và lấy tiền xâu thì L3 đồng ý. Trong lúc đang chơi bài thì Đinh Đức A1 (con rể Bé Em) đứng xem phát hiện N3 dùng ngón tay ra hiệu cho T và H bắt bài thắng người làm cái nên nói lại với Bé Em biết, phát hiện bị chơi gian lận nên Bé Em yêu cầu tất cả những người chơi đánh bạc dừng lại, cho biết N3 đang sử dụng kính áp tròng để chơi bài gian lận để thắng tiền và dùng tay tháo kính áp tròng của N3 ra. Đồng thời Bé Em lớn tiếng đe dọa buộc H và N3 trả lại số tiền 80.000.000 đồng đã thua bài trước đó, nếu không trả thì không cho về, bị phát hiện gian lận nên H, N3 hoảng sợ lấy 10.000.000 đồng (của H là 7.500.000 đồng, của N3 là 2.500.000 đồng) ra đưa cho Đức A1, do chưa đủ số tiền nên Bé E yêu cầu N3 sử dụng điện thoại di động nhấn tin chuyển vào tài khoản của Đức A1 thêm 15.000.000 đồng, tiếp tục Bé Em yêu cầu N3 tháo 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bằng vàng 18K, 21 chiếc vòng vàng 18K, 02 chiếc nhẫn vàng 18K đưa cho Đức A1 giữ, nghi ngờ là vàng giả nên Bé E và Đức A1 kêu Đinh Minh T4 (em ruột của Đức A1) điều khiển xe mô tô chở N3 đến tiệm V" ở thị trấn C để bán vàng, nhưng không bán được, nên T4 chở N3 về lại nhà của Đức A1. Tại đây, N3 viết giấy cầm vàng đưa cho Đức A1 xin ra về nhưng Đức A1 và Bé E không đồng ý do chưa trả đủ tiền, buộc phải ở lại đến khi trả đủ tiền. Cùng lúc này, Đoàn Thị N2 cùng con là Đặng Quốc D phát hiện việc chơi bài gian lận nên lớn tiếng đe dọa yêu cầu Huỳnh Văn T đi về nhà của N2 ở gần đó, buộc phải trả lại số tiền là 30.000.000 đồng Nguyệt, D thua bài, do không có tiền trong người nên T xin về rồi mang tiền lại trả nhưng N2 và D không đồng ý, buộc T gọi điện thoại cho người thân mang tiền hoặc tài sản đến trả rồi mới cho về, hoảng sợ nên T nhờ Võ Thị T5 gọi điện thoại cho Đỗ Thị D1 mang xe mô tô biển số 67D1-363.31 đến nhà của N2. Tại đây, N2 kêu Nguyễn Quốc T6 con rể của N2 viết dùm tờ biên nhận cầm chiếc xe nói trên với giá 20.000.000 đồng, N2 giao xe và biên nhận cho Dương giữ, thì bị lực lượng Công an phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Ngoài ra, Trần Thanh C, Phạm Thị L3, Lê Văn T7, Trần Thị Bé E, Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1, Trương Thành N, Đoàn Thị N2, Đặng Quốc D còn khai nhận: Trong thời gian từ ngày 10/02/2024 đến ngày 15/02/2024, C đến khu vực đất trống thuộc khu dân cư ấp B, xã B, huyện C đứng ra tổ chức cho Bé Em, T, H, N3, H1, N, N2, và nhiều người khác tham gia chơi đánh bài (bài binh) ăn thua bằng tiền để lấy tiền xâu, hình thức chơi mỗi ván có 01 người làm cái và 06 người tham gia, một số người còn lại thì tự đặt bên ngoài, người chơi tham gia đặt mỗi ván thấp nhất là 100.000 đồng cao nhất là 500.000 đồng, bình quân số tiền mỗi ván thấp nhất 700.000 đồng cao nhất 3.500.000 đồng, khi người chơi đánh bạc thì C đứng ra cảnh giới lực lượng Công an và khi người chơi hết tiền thì C cho mượn. Ngày 15/02/2024, Lê Văn T7 sử dụng căn nhà của T7 để làm địa điểm chơi đánh bạc để lấy tiền xâu, khi người chơi đánh bạc thì C đứng ra cảnh giới lực lượng Công an. Ngày 16/02/2024, C còn hỏi Phạm Thị L3 mượn căn nhà để tổ chức chơi đánh bài, C hứa sẽ cho tiền tiêu xài thì L3 đồng ý, đồng thời C còn phân công L3 mua nước

để phục vụ cho người chơi. Trong thời gian đứng ra tổ chức C thu lợi 340.000 đồng, T7 thu lợi 400.000 đồng, L3 chưa lấy tiền thì bị phát hiện. Cụ thể:

- Ngày 10/02/2024, N2 mang theo 3.000.000 đồng, Bé Em 3.000.000 đồng, T 3.000.000 đồng, N 1.000.000 đồng, H1 1.500.000 đồng, D 11.000.000 đồng và một số đối tượng (chưa xác định) để tham gia đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc là 22.500.000 đồng. Sau khi kết thúc N2, Bé E và T không thắng thua. N thua 500.000 đồng, H1 thua 600.000 đồng và D thua 11.000.000 đồng.

- Ngày 11/02/2024, N2 mang theo 3.000.000 đồng, Bé Em 3.000.000 đồng, T 10.000.000 đồng, D 7.500.000 đồng và một số đối tượng (chưa xác định) để tham gia đánh bạc. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 23.500.000 đồng. Sau khi kết thúc chơi N2 và Bé Em không thắng thua. T thua 8.500.000 đồng và D thua 7.500.000 đồng.

- Ngày 12/02/2024, N2 mang theo 3.000.000 đồng, Bé Em 3.000.000 đồng, T 7.000.000 đồng và D 13.000.000 đồng và một số đối tượng (chưa xác định) để tham gia đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc là 26.000.000 đồng. Sau khi kết thúc chơi N2 và Bé Em không thắng thua. T thắng 7.000.000 đồng và D thua 13.000.000 đồng.

- Ngày 13/02/2024, Bé E mang theo 3.000.000 đồng, T 7.000.000 đồng và một số đối tượng (chưa xác định) để tham gia đánh bạc. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 10.000.000 đồng. Sau khi kết thúc chơi Bé E không thắng thua và T thua 5.000.000 đồng.

- Ngày 14/02/2024, Bé E mang theo 3.000.000 đồng, T 7.000.000 đồng, T3 và một số đối tượng (chưa xác định) tham gia chơi đánh bạc. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 10.000.000 đồng. Sau khi kết thúc chơi Bé E không thắng thua và T thắng được số tiền 2.000.000 đồng.

- Ngày 15/02/2024, Bé E mang theo 20.000.000 đồng, T 7.500.000 đồng, H, N3 7.000.000 đồng (Hợp giữ 4.500.000 đồng và N3 giữ 2.500.000 đồng), H1 1.000.000 đồng và một số đối tượng (chưa xác định) tham gia chơi đánh bạc. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 35.500.000 đồng. Sau khi kết thúc chơi Bé E thua 17.000.000 đồng, T thắng 12.000.000 đồng, H, N3 thắng 1.200.000 đồng, H1 không thắng thua.

- Ngày 15/02/2024, Bé E mang theo 30.000.000 đồng, (trong đó Bé E cho T3 mượn 7.000.000 đồng), T 13.000.000 đồng, H, N3 11.000.000 đồng, H1 1.000.000 đồng, Nam 800.000 đồng và một số đối tượng (chưa xác định). Trong quá trình đánh bạc thua Bé E hết số tiền 23.000.000 đồng nên mượn của Bùi Văn G số tiền 10.000.000 đồng và Trần Thanh C số tiền 20.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 85.800.000 đồng. Sau khi kết thúc, Bé E thua 53.000.000 đồng. T, H và N3 thắng được số tiền 32.000.000 đồng, T chia tiền thắng được 16.000.000 đồng và H và N3 được 16.000.000 đồng. H1 không thắng thua và N thua 500.000 đồng.

- Ngày 16/02/2024, Bé E mang theo 4.000.000 đồng, T 7.500.000 đồng, H và N3 10.000.000 đồng (Hợp giữ 7.500.000 đồng và N3 giữ 2.500.000 đồng), H1 1.000.000 đồng, N 800.000 đồng, N2 1.000.000 đồng và một số đối tượng

(chưa xác định) tham gia chơi đánh bạc. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 24.300.000 đồng. Trong lúc đang chơi đánh bạc phát hiện chơi bài gian lận.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng do Cơ qua điều tra thu giữ trong giai đoạn điều tra: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã tạm giữ: 02 kính áp tròng (len mắt) màu nâu; 01 xe mô tô biển số 67F1-417.34; 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 21 bộ bài 52 lá; Tiền Việt Nam 25.000.000 đồng; 21 vòng đeo tay vàng 18K trọng lượng 13,55 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,004 chỉ vàng, có gắn mặt dây chuyền bằng vàng 18K trọng lượng 0,578 chỉ; 02 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 1,91 chỉ (đã tiến hành trao trả cho Huỳnh Thị N3 theo biên bản trả lại tài sản ngày 16/01/2025); 01 xe mô tô biển số 67D1-363.31 (đã trả lại cho Võ Thị T5 theo biên bản trả lại tài sản ngày 16/01/2025).

Căn cứ Bản kết luận giám định số 29/KL-KTHS ngày 22/8/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận:

- 21 chiếc vòng bằng vàng 18K, tổng trọng lượng là 13,55 chỉ vàng trị giá 52.435.500 đồng;
- 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,004 chỉ vàng trị giá 7.755.480 đồng;
- 01 mặt dây chuyền bằng vàng 18K tổng trọng lượng 0,578 chỉ trị giá 2.236.860 đồng;
- 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, tổng trọng lượng 1,91 chỉ, trị giá 7.391.700 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 69.819.540 đồng.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 30/KL-KTHS ngày 19/8/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe FUTURE, màu xám, biển số 67D2-363.31 trị giá 27.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSCP ngày 26/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo: Trần Thị Bé E về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Đánh bạc” theo điểm d khoản 1 Điều 170 và điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Đinh Đức A1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự; Đoàn Thị N2, Đặng Quốc D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1, Trương Thành N về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Trần Thanh C về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Phạm Thị L3, Lê Văn T7 “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Bé E, Đoàn Thị N2, Đặng Quốc D, Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1, Trương Thành N phạm tội “Đánh bạc”; các bị cáo Trần Thanh C, Lê Văn T7, Phạm Thị L3 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trần Thị Bé E, Đinh Đức A1, Đoàn Thị N2, Đặng Quốc D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1.1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Bé E 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo Trần Thị Bé E phải chấp hình phạt tù cho cả 02 tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 12/12/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Bé Em 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với tội “Đánh bạc”.

1.2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Đức A1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 16/12/2024.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Thị N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo Đoàn Thị N2 phải chấp hình phạt tù cho cả 02 tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo N2 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Đặng Quốc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo Đặng Quốc D phải chấp hình phạt tù cho cả 02 tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 12/12/2024.

Phạt bổ sung bị cáo D 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với tội “Đánh bạc”.

1.4. Căn cứ điểm c, d khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 16/01/2025.

Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

1.5. Căn cứ điểm c khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị L3 01 (một) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/5/2025). Giao bị cáo L3 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo L3 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo L3 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu bị cáo không tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T7 01 (một) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm “được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/5/2025)”. Giao bị cáo T7 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T7 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo T7 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

1.6. Căn cứ điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N3 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.7. Căn cứ điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thành N 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung các bị cáo T, H, N3, N mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

1.8. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo H1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, các biện pháp tư pháp, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/5/2025, các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3 làm đơn kháng cáo với nội dung được hưởng án treo, bị cáo Trương Thành N kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Huỳnh Văn T và Trương Thành N tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Các bị cáo Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3 thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1 và Trương Thành N gửi trong hạn luật định, nên đủ cơ sở chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung:

Cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo B1 Tòa án nhân dân huyện C (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - tỉnh An Giang) xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 03 năm 09 tháng tù, ác bị cáo Phạm Văn H và Huỳnh Thị N3 mỗi bị cáo 03 năm 06 tháng tù; các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 và Trương Thành N mỗi bị cáo 03 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn T và Trương Thành N tự nguyện rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo; bị cáo Phạm Văn H cung cấp thêm tình tiết bản thân là bộ đội xuất ngũ, gia đình có cậu là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền đánh bạc là 4.500.000đ và 20.000.000đ là số tiền phạt theo Quyết

định của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo H1 có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo đã không ăn năn hối cải, rèn luyện bản thân trở thành người có ích, lương thiện mà tiếp tục phạm tội “Đánh bạc”. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H1. Đối với các bị cáo Huỳnh Thị N3 và Phạm Văn H đã chủ động nộp lại số tiền đánh bạc là 28.000.000đ theo biên lai thu số 0003077 nộp ngày 28/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang); các bị cáo N3 và H lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt. Đây là các tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng điểm a, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Huỳnh Văn T, Trương Thành N.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt hoặc được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N3 và Phạm Văn H.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang về phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N3 và Phạm Văn H.

* Căn cứ điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N3 03 (ba) năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

* Căn cứ điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thành N 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

* Căn cứ khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo H1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 phát biểu: Mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết hậu quả của tội phạm không đáng kể, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn; hiện bị cáo đang phải điều trị bệnh và bị cáo cũng đã chủ động đóng toàn bộ số tiền phạt theo quyết định của Bản án sơ thẩm số 115/2028/HSST ngày 03/10/2018 của TAND huyện Phú Quốc và số tiền thu lợi từ hành vi đánh bạc. Do đó, mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo H1 được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 thống nhất quan điểm bào chữa của người bào chữa, không tranh luận và bào chữa bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1 và Trương Thành N làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1 và Trương Thành N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày từ 10/02/2024 đến ngày 16/02/2024, các bị cáo Trần Thị Bé E, Đoàn Thị N2, Đặng Quốc D, Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1, Trương Thành N có hành vi cùng nhau tham gia đánh bạc tại khu dân cư ấp B, xã B, số tiền đánh bạc ngày 10/02/2024 là 22.500.000 đồng; Ngày 11/02/2024 là 23.500.000 đồng; Ngày 12/02/2024 là 26.000.000 đồng; Ngày 13/02/2024 là 10.000.000 đồng; Ngày 14/02/2024 là 10.000.000 đồng; Ngày 15/02/2024 là 121.300.000 đồng; Ngày 16/02/2024 là 24.300.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1 và Trương Thành N về tội Đánh bạc là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, và Trương Thành N; kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt hoặc được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Văn T và Trương Thành N đã tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Huỳnh Văn T và Trương Thành N.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng. Hiện nay tệ nạn cờ bạc xảy ra ngày càng phổ biến, phức tạp, hậu quả từ việc đánh bạc làm ảnh hưởng đến đời sống hạnh phúc gia đình của người tham gia đánh bạc, đồng thời là nguyên nhân dẫn đến những vi phạm pháp luật khác.

Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo T đã từng bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc và bị cáo H1 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc xét xử về hành vi đánh bạc vào nhưng các bị cáo vẫn không ăn năn hối cải, siêng năng lao động, làm người lương thiện mà ngược lại vẫn tiếp tục tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đảm bảo mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, khi quyết định hình phạt đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 03 năm 09 tháng tù, các bị cáo Phạm Văn H và Huỳnh Thị N3 mỗi bị cáo 03 năm 06 tháng tù; các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 và Trương Thành N mỗi bị cáo 03 năm tù cùng về tội “Đánh bạc” là phù hợp với quy định pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn H cung cấp thêm tình tiết bản thân là bộ đội xuất ngũ, gia đình có cậu là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền đánh bạc là 4.500.000đ và 20.000.000đ là số tiền phạt theo Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 115/2018/HS-ST ngày 03/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H1 là người có nhân thân xấu, bản thân đã có tiền sự về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục trượt dài trên con đường phạm tội. Do đó, việc cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án là 03 năm tù là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Các bị cáo Huỳnh Thị N3 và Phạm Văn H đã chủ động nộp lại số tiền đánh bạc là 28.000.000đ theo biên lai thu số 0003077 nộp ngày 28/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang); các bị cáo N3 và H lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt. Đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp

nhận yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát cùng cấp không trái với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Các bị cáo Huỳnh Thị N3 và Phạm Văn H do kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với bị cáo T, bị cáo N tại phiên tòa đã tự nguyện rút lại toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Huỳnh Văn T và Trương Thành N.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Huỳnh Thị N3 và Phạm Văn H3.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – tỉnh An Giang) về phần hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Huỳnh Thị N3, Nguyễn Thị Ngọc H1 phạm tội “Đánh bạc”.

* Căn cứ điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N3 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

* Căn cứ khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo H1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - tỉnh An Giang) không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

****Nơi nhận:***

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND KV 13;
- VKSND KV 13;
- Phòng THADS KV 13;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tấn Tài